

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày: 10/5/2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Minh Trí

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2023/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2024/QĐST – DS ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện N giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị Hồng V, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 2825, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V là anh Đỗ Văn S, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Dương Văn TH, sinh năm 1970

Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1975

Cùng trú tại: khu A, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Phan Thị Hồng Y, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Anh S, bà T có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2023 của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng V do anh Đỗ Văn S đại diện trình bày có tại hồ sơ và tại phiên tòa:*

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, bà V lập hợp đồng vay tiền đối với vợ chồng ông TH, bà T. Theo nội dung hợp đồng vay tiền thì vợ chồng ông TH, bà T vay của bà V với số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), lãi suất trong hợp đồng không ghi nhưng hai bên tự thỏa thuận là 2%/tháng, mục đích vay để kinh doanh, thời gian vay trong hợp đồng không ghi nhưng hai bên tự thỏa thuận thời gian 01 năm, nhằm để bảo đảm khoản vay vợ chồng ông TH, bà T thế chấp cho bà V 01 bản chính BH 386148 do UBND huyện N cấp cho ông TH, bà T ngày 30/12/2011.

Sau khi vay tiền ông TH, bà T chỉ đóng được 03 tháng đầu tiên lãi với số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng), kể từ ngày 18/02/2022 cho đến nay ngưng đóng tiền lãi cho bà V.

Đến hạn trả tiền gốc theo thỏa thuận nhưng ông TH, bà T không trả mà hứa hẹn năm này qua năm khác.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu ông TH, bà T phải trả số tiền gốc 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 18/02/2022 cho ngày xét xử sơ thẩm là 27 tháng với mức lãi suất 20%/năm là 270.000.000 đồng; tổng cộng là 870.000.000 đồng (tám trăm, bảy mươi triệu đồng). Sau khi ông TH, bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả gốc và lãi cho bà V thì bà V có trách nhiệm trả lại cho ông TH, bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 386148 do UBND huyện N cấp cho ông TH, bà T ngày 30/12/2011.

****Bị đơn ông Dương Văn TH, bà Nguyễn Thị Mai T trình bày tại hồ sơ và lời khai bà T tại phiên tòa thể hiện:***

Năm 2019 bà T vay của bà Phan Thị Hồng V, bà Phan Thị Hồng Y (chị ruột bà V) số tiền 173.000.000 đồng, sử dụng việc cá nhân của bà, không phải sử dụng việc chung của vợ chồng. Bà T đóng tiền lãi tiền hàng tháng cho bà Y, bà V cho đến khi bà V khởi kiện vợ chồng bà ra Tòa án thì ngưng.

Tháng 6/2021 vợ chồng bà vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) của bà Y và đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 386148 do UBND huyện N cấp cho ông TH, bà T ngày 30/12/2011 cho bà Y giữ. Vợ chồng ông bà đã đóng tiền lãi 01 tháng là 26.000.000 đồng và đóng được 05 tháng là 130.000.000 đồng thì ngưng, toàn bộ giấy tờ bà Y giữ, vợ chồng ông bà không giữ nên không có để cung cấp cho Tòa án.

Tại Tòa án bà V cung cấp Hợp đồng vay mượn tiền ngày 18/10/2021 giữa bên cho vay mượn tiền là bà Phan Thị Hồng V và bên vay mượn tên Dương Văn TH, Nguyễn Thị Mai T. Nội dung hợp đồng vay thể hiện số tiền 600.000.000 đồng, thế chấp sổ đỏ đứng tên Dương Văn TH, Nguyễn Thị Mai T. Ông TH, bà T thừa nhận chữ ký Dương Văn TH, Nguyễn Thị Mai T và dấu lăn tay tại Hợp đồng vay mượn tiền ngày 18/10/2021 là của ông bà.

Ông TH, bà T không thừa nhận vay tiền của bà Phan Thị Hồng V mà ông bà vay tiền của bà Phan Thị Hồng Y. Ông bà cũng không thừa nhận vay số tiền 600.000.000 đồng mà chỉ thừa nhận cá nhân bà T vay của bà V, bà Y số tiền 173.000.000 đồng và vợ chồng ông TH, bà T vay của bà Y 300.000.000 đồng có thể sổ đỏ và chỉ đồng ý trả số tiền 473.000.000 đồng.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Hồng Y trình bày tại hồ sơ:***

Bà là chị ruột của bà Phan Thị Hồng V, bà biết ông Dương Văn TH, bà Nguyễn Thị Mai T vì là hàng xóm với nhau.

Bà xác định giữa bà và vợ chồng ông TH, bà T không phát sinh quan hệ vay mượn tiền với nhau, không có việc bà cho cá nhân bà T vay số tiền 173.000.000đồng và cho vợ chồng bà T, ông TH vay số tiền 300.000.000đồng và thế chấp sổ đỏ cho bà.

Bà biết ông TH, bà T vay tiền của bà V (em gái bà) là vì bà V không rành chữ, thường viết sai chính tả nên có nhờ bà lập Hợp đồng vay mượn tiền ngày 18/10/2021 cho vợ chồng ông TH, bà T và bà V. Bà xác định chữ viết tại Hợp đồng vay mượn tiền ngày 18/10/2021 là của bà viết. Còn chữ ký, chữ viết bên cột bên A cho vay mượn là của bà Phan Thị Hồng V và chữ ký, chữ viết, dấu lấn tay bên cột B bên vay mượn là của ông Dương Văn TH và bà Nguyễn Thị Mai T.

Bà chỉ giúp ghi hợp đồng vay mượn tiền ngày 18/10/2021 cho 02 bên, ngoài ra việc giao nhận tiền vay tiền và tiền lãi do hai bên thực hiện, bà không tham gia và không biết gì sau đó nữa. Bà đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu khởi kiện của bà V theo quy định của pháp luật và bà xin vắng mặt khi xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Ông TH, bà T xác nhận chữ ký và dấu lấn tay tại Hợp đồng vay mượn tiền ngày 18/10/2021 (do bà V cung cấp tại Tòa án) đúng là chữ ký và dấu lấn tay của ông bà nhưng ông bà không thừa nhận vay số tiền 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng) mà chỉ vay số tiền 473.000.000đồng và đã trả tiền lãi được 130.000.000đồng. Tuy nhiên phía ông TH, bà T không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh lời khai của mình là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc ông TH, bà T phải trả cho bà V số tiền gốc 600.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: nguyên đơn bà Phan Thị Hồng V tranh chấp yêu cầu vợ chồng ông TH, bà T trả số tiền gốc đã vay 600.000.000đồng đã vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn ông TH, bà T có nơi cư trú tại Khu A, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/10/2021 bà V cho vợ chồng ông TH, bà T vay tiền, thời hạn thỏa thuận là 1 năm. Ngày 21/7/2023 bà V có đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định.

Căn cứ vào Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về tư cách đương sự tham gia tố tụng trong vụ án: Bà Phan Thị Hồng V là người khởi kiện tham gia với tư cách là nguyên đơn. Ông Dương Văn TH, bà Nguyễn Thị Mai T là người bị kiện nên tham gia với tư cách là bị đơn. Bà Phan Thị Hồng Y tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Số tiền bà V cho ông TH, bà T vay là tài sản riêng của bà V, không phải tài sản chung của vợ chồng với ông Huỳnh Văn Nhân nên Tòa án không đưa ông Huỳnh Văn Nhân vào tham gia trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.4] Sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập họp lệ cho bị đơn ông Dương Văn TH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Hồng Y nhưng ông TH vắng mặt không có lý do, bà Y vắng mặt do có đơn nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông TH, bà Y.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng V :

Bà V xuất trình bản chính Hợp đồng vay tiền mượn ngày 18/10/2021 có nội dung bà V cho ông TH, bà T vay số tiền 600.000.000đồng, thời hạn và lãi suất thỏa thuận, có thể chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 386148 do UBND huyện N cấp cho ông TH, bà T ngày 30/12/2011.

Ông TH, bà T thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu lấn tay tại Hợp đồng vay tiền mượn ngày 18/10/2021 đúng là của ông bà. Tuy nhiên bà T chỉ thừa nhận cá nhân bà vay số tiền 173.000.000đồng của bà V, bà Y và ông TH, bà T thừa nhận vay của bà Y số tiền 300.000.000đồng, đưa sổ đỏ đứng tên ông bà cho bà Y giữ chứ không phải vợ chồng bà vay chung của bà V số tiền 600.000.000đồng nhưng ông bà không xuất trình được tài liệu chứng cứ, chứng minh lời khai của ông bà là có căn cứ.

Do đó, đủ cơ sở để kết luận ông TH, bà T vay của bà V số tiền 600.000.000đồng nên buộc ông bà phải trả số tiền này cho bà V.

Về tiền lãi bà T khai đã đóng tiền lãi hàng tháng khoản vay 173.000.000đồng và ngưng khi bà V khởi kiện ra Tòa án. Còn khoản vay chung vợ chồng là 300.000.000đồng thì đã đóng tiền lãi 26.000.000đồng/tháng, đóng được 05 tháng là 130.000.000đồng thì ngưng. Tuy nhiên ông TH, bà T không xuất trình được tài liệu chứng minh đã đóng được tiền lãi cho bà V nên không có cơ sở để xem xét, chấp nhận.

Phía bà V xác định tiền lãi hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, bà T ông TH đã trả được 03 tháng tiền lãi của những tháng đầu tiên là 36.000.000đồng và kể từ ngày 18/02/2022 thì ông TH, bà T ngưng đóng lãi.

Căn cứ theo quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm; lãi suất quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất thỏa thuận, lãi suất theo quy định. Tuy nhiên giữa

các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là vượt quá quy định nên cần điều chỉnh cho phù hợp cụ thể:

Lãi suất trong hạn ông TH, bà T có nghĩa vụ trả cho bà V từ ngày 18/10/2021 đến ngày 18/01/2022 là $600.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 03\text{ tháng} = 30.000.000\text{đồng}$.

Trong khi đó số tiền ông TH, bà T đã trả cho bà V lãi suất trong hạn là 36.000.000đồng là vượt quá quy định là 6.000.000đồng nên được căn trừ vào tiền gốc là $600.000.000\text{đồng} - 6.000.000\text{đồng} = 594.000.000\text{đồng}$.

Tiền lãi suất quá hạn vợ chồng ông TH, ông T phải trả cho bà V tính từ ngày 18/02/2022 cho đến ngày 10/5/2024 là $30\%/năm \times 600.000.000\text{đồng} \times 27\text{ tháng} 21\text{ ngày}$. Tuy nhiên phía bà V chỉ yêu cầu 20%/năm và làm tròn 27 tháng nên ghi nhận. Do đó buộc ông TH, bà T phải trả cho bà V số tiền lãi là $594.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 27\text{ tháng} = 267.300.000\text{đồng}$. Buộc ông TH, bà T phải trả cho bà V số tiền gốc 594.000.000đồng và lãi là 267.300.000đồng, tổng cộng là 867.300.000đồng (tám trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông TH, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ông TH, bà T trả hết tiền gốc và lãi cho bà V thì bà V có nghĩa vụ trả lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 386148 do UBND huyện N cấp cho ông TH, bà T ngày 30/12/2011.

[3] Về án phí: Buộc ông TH, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.019.000đồng (ba mươi tám triệu, không trăm mười chín nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí 18.060.000đồng (mười tám triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002125 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng V về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Dương Văn TH, bà Nguyễn Thị Mai T.

Buộc ông TH, bà T có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị Hồng V số tiền gốc 594.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/02/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 267.300.000đồng, tổng cộng là 867.300.000đồng (tám trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông TH, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ông TH, bà T trả hết tiền gốc và lãi cho bà V thì bà V có nghĩa vụ trả lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 386148 do UBND huyện N cấp cho ông TH, bà T ngày 30/12/2011.

2. Về án phí:

Buộc ông TH, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.019.000đồng (ba mươi tám triệu, không trăm mười chín nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí 18.060.000đồng (mười tám triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002125 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bà V, bà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông TH, bà Y được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lợi

